

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên tăng điểm nhờ kỳ vọng vào mùa báo cáo KQKD quý 3 khả quan

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tiếp tục tăng nhẹ nhờ kỳ vọng cao vào lợi nhuận doanh nghiệp sắp tới bất chấp diễn biến thận trọng của TTCK toàn cầu

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

HPG, LPB

[Quan điểm đầu tư]

Khuyến nghị tránh mua đuổi, tạm thời đóng hết các vị thế ngắn hạn trong danh mục

15/10/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	942.76	+0.27
VN30	899.20	+0.79
HĐTL VN30F1M	899.20	+0.49
HNXIndex	139.66	+1.58
HNX30	259.79	+1.33
UPCoM	63.48	+0.55
USD/VND	23,177	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.55	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+4
Dầu (WTI, \$)	40.32	-1.75
Vàng (LME, \$)	1,892.80	-0.46

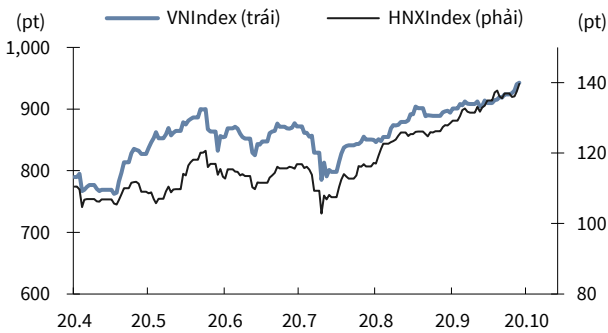


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	942.76 (+0.27%)
KLGD (triệu CP)	439.6 (+19.5%)
GTGD (triệu US\$)	405.9 (-34.7%)
HNXIndex	139.66 (+1.58%)
KLGD (triệu CP)	62.8 (+5.8%)
GTGD (triệu US\$)	42.0 (+9.9%)
UPCoM	63.48 (+0.55%)
KLGD (triệu CP)	56.1 (+40.9%)
GTGD (triệu US\$)	29.4 (+50.2%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-12.3

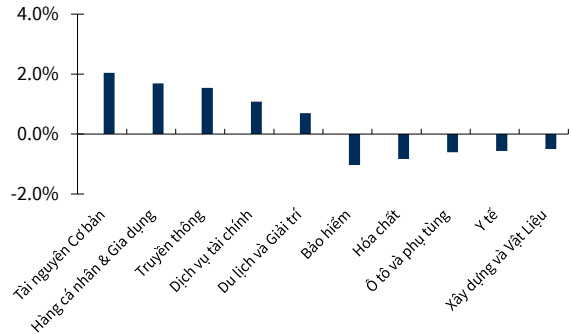
TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên tăng điểm nhờ kỳ vọng vào mùa báo cáo KQKD quý 3 khả quan. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn giao dịch tích cực hơn thị trường chung với rổ cổ phiếu VN30 có 19 mã tăng và 8 mã giảm điểm. Các đánh giá lạc quan trong báo cáo Chính phủ trình Quốc hội về tính hình sức khỏe hệ thống ngân hàng giúp cổ phiếu ngân hàng tăng giá trong phiên hôm nay ở VCB (+0.5%), CTG (+0.2%). Trong khi đó, Đánh giá tiêu cực của Hiệp hội Dệt May Việt Nam (Vitas) về triển vọng ngành này trong quý 4 khiến cổ phiếu các doanh nghiệp trong ngành điều chỉnh ở TCM (-1.5%), VGG (-1.3%). Bộ đôi cổ phiếu thép HPG (+2.5%), SMC (+6.8%) tăng mạnh nhờ báo cáo KQKD quý 3 tích cực, kéo theo đà tăng ở các cổ phiếu khác trong ngành như VIS (+3.9%), TIS (+3.9%). Tương tự, cổ phiếu chứng khoán như SSI (+0.3%), VCI (+7%) tiếp tục đà tăng trước kỳ vọng KQKD quý 3 khả quan, tương đồng với diễn biến tăng mạnh của thanh khoản thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng ở MSN (+1.4%), SAB (0%), PVT (-0.7%).

VNIndex & HNXIndex



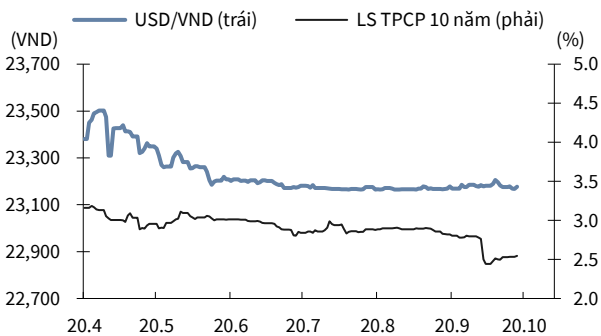
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



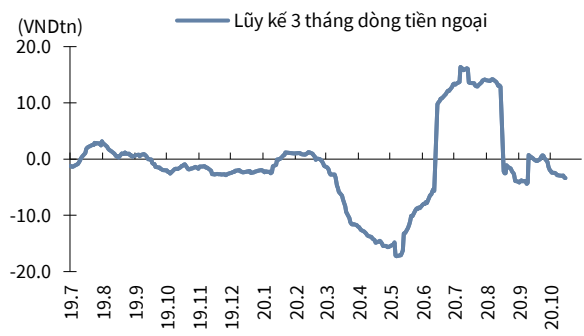
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



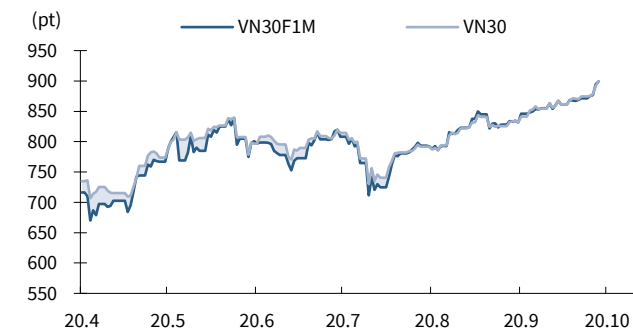
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	899.20 (+0.79%)
VN30F1M	899.2 (+0.49%)
Mở cửa	898.0
Cao nhất	903.0
Thấp nhất	893.1
KLGD (HĐ)	63,883 (-37.8%)

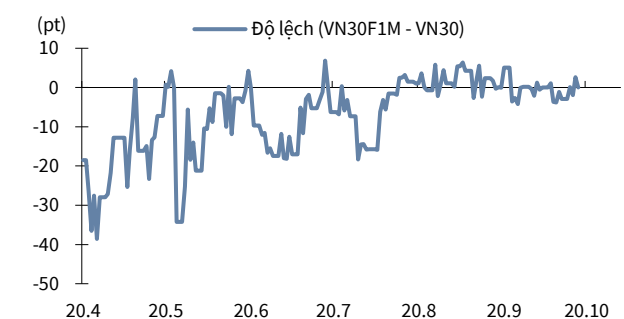
HĐTL tiếp tục tăng nhẹ nhờ kỳ vọng cao vào lợi nhuận doanh nghiệp sắp tới bất chấp diễn biến thận trọng của TTCK toàn cầu. Chênh lệch F2010 mở cửa ở 5.85 trước khi giao động trong biên độ hẹp -2.4 và 1.8 trong cả phiên và đóng cửa ở mức 0 khi hôm nay là phiên đảo hạn. Chênh lệch F2011 và VN30 đóng cửa ở mức -10.6. NĐTNN bán ròng mạnh F2010 và thanh khoản ở không đổi so với phiên trước.

HĐTL VN30F1M & VN30



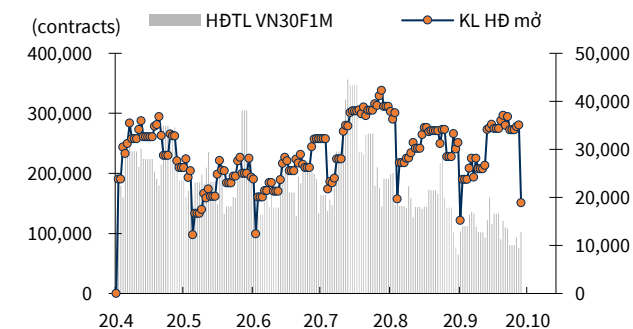
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



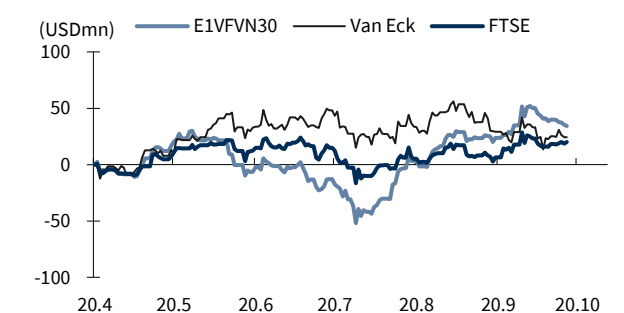
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

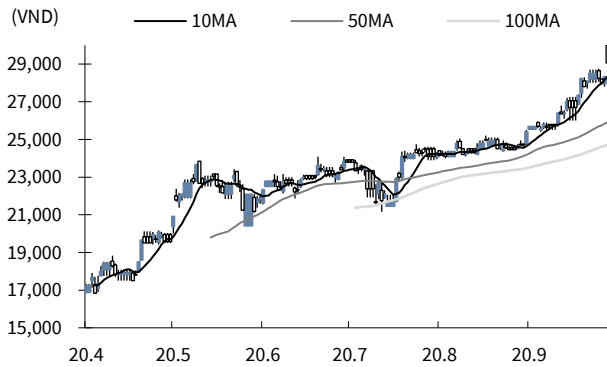
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

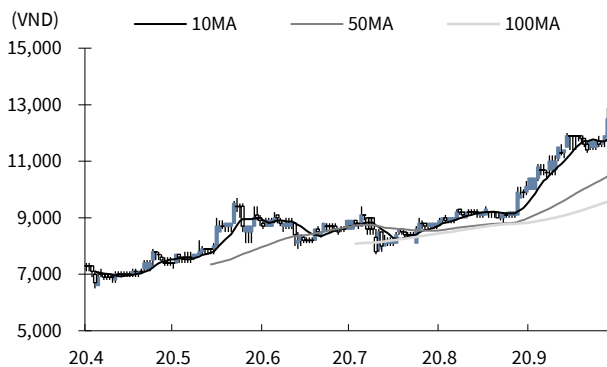
Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 2.5% lên 29,050 VNĐ/cp.
- HPG thông báo KQKD quý III với lợi nhuận sau thuế 3,785 tỷ (gấp 2.1 lần cùng kỳ) và doanh thu 24,900 tỷ (tăng 62.7% YoY). Lũy kế 9 tháng, lợi nhuận sau thuế đạt 8,845 tỷ (+56% YoY) và doanh thu 65,000 tỷ (+40% YoY), lần lượt thực hiện 98% và 75.6% kế hoạch năm. Doanh nghiệp cho biết kết quả trên do hầu hết các lĩnh vực kinh doanh đều đạt kết quả khả quan. Trong đó, mang kinh doanh cốt lõi sắt thép tiêu thụ 4 triệu tấn thép thô, gấp 2 lần so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, tiêu thụ thép xây dựng thành phẩm đạt gần 2.5 triệu tấn, còn lại là phôi thép, thép cuộn cán nóng (HRC).

Lien Viet Post Bank (LPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- LPB tăng 6.8% lên 12,600 VNĐ/cp.
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HSX) đã có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu của LPB. Số lượng cổ phiếu niêm yết là hơn 976.9 triệu cổ phiếu, tương đương vốn điều lệ của ngân hàng hiện tại là 9,769 tỷ đồng.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

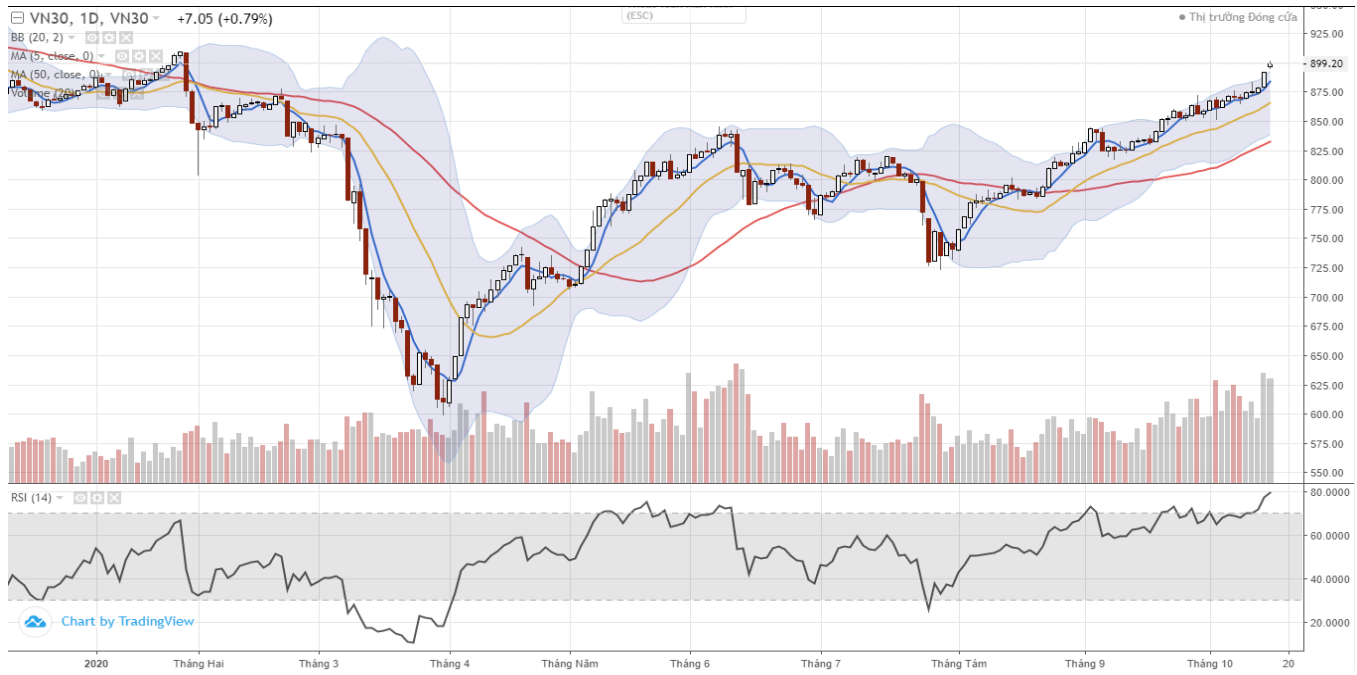
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm trước khi suy yếu và diễn biến giằng co về cuối phiên.
- Với diễn biến trong phiên không mấy tích cực sau khi thử thách vùng cản đáng lưu ý cùng với việc chỉ số động lượng đang ở trong vùng quá mua, chúng tôi cho rằng rủi ro đảo chiều của chỉ số tiếp tục gia tăng.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, tạm thời đóng hết các vị thế ngắn hạn trong danh mục.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau khi mở gap tăng điểm, VN30 và F1 suy yếu và diễn biến giằng co về cuối phiên với sự hình thành của mẫu nến spinning.
- Việc xuất hiện mẫu nến đảo chiều tại vùng kháng cự mạnh quanh 900 làm gia tăng rủi ro đảo chiều. Khả năng bước vào nhịp điều chỉnh của chỉ số sẽ trở nên rõ nét hơn nếu có thêm 1 cây nến tiêu cực xác nhận trong phiên ngày mai.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục mở từng phần vị thế SHORT qua đêm ở những vùng giá cao trong phiên.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

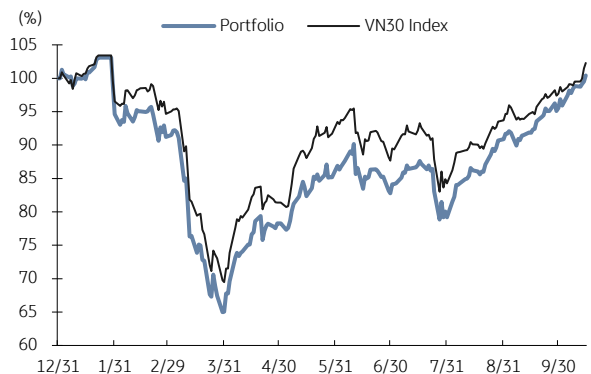
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.79%	0.92%
Tăng lũy kế (YTD)	2.29%	0.42%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/10/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	109,400	0.4%	-5.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,500	0.0%	8.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	65,000	3.3%	-15.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,600	-0.3%	2.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	41,800	1.7%	22.9%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	51,200	0.4%	52.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	30,050	0.2%	23.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	106,000	1.3%	-18.0%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	29,050	2.5%	48.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	14,650	-0.3%	6.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCB	0.5%	23.6%	62.6
CTG	0.2%	29.9%	49.8
HPG	2.5%	34.1%	38.1
VNM	0.1%	58.0%	28.8
GVR	-1.1%	0.5%	26.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	1.4%	38.1%	-255.0
SAB	0.0%	63.2%	-56.0
PVT	-0.7%	19.8%	-37.0
VPB	0.2%	23.4%	-31.8
CII	-1.3%	33.9%	-29.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHB	4.5%	6.5%	3.5
PVS	0.7%	9.9%	2.3
SHS	1.5%	5.7%	2.3
DTD	-0.9%	0.6%	1.4
NTP	0.9%	18.9%	1.0

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VGS	9.3%	1.0%	-1.5
VCS	-0.7%	2.9%	-1.0
SLS	-1.2%	2.2%	-0.5
SRA	-1.4%	2.0%	-0.3
AMV	-1.2%	3.4%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	7.4%	BVH, BIC
Ngân hàng	4.7%	VCB, CTG
Thực phẩm và đồ uống	4.1%	MSN, SAB
Dịch vụ tài chính	3.3%	VCI, E1VFN30
Tài nguyên Cơ bản	2.6%	HPG, TTF

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-5.6%	PNC, YEG
Xây dựng và Vật Liệu	-1.0%	BMP, CTD
Ô tô và phụ tùng	-0.9%	CSM, DRC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.9%	APH, ASG
Y tế	-0.7%	DMC, PME

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	13.0%	VCI, SSI
Tài nguyên Cơ bản	12.8%	HPG, HSG
Bán lẻ	12.7%	MWG, PET
Bảo hiểm	10.6%	BVH, BMI
Thực phẩm và đồ uống	9.8%	MSN, VNM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-9.5%	PNC, AAA
Du lịch và Giải trí	-1.1%	HVN, SCS
Y tế	-0.4%	DHG, IMP
Dầu khí	-0.1%	PLX, PVD
Xây dựng và Vật Liệu	0.6%	BMP, CTD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,500	329,787 (14,229)	43,309 (1.9)	22.9	53.2	39.0	21.9	6.6	8.7	3.8	3.4	2.6	5.6	2.6	-15.2
	VHM	VINHOMES JSC	77,500	254,937 (11,000)	148,218 (6.4)	27.0	9.5	8.3	35.0	38.5	30.8	3.0	2.2	-1.3	1.2	0.9	-8.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,600	62,716 (2,706)	75,370 (3.3)	18.3	24.7	18.3	2.8	9.1	11.7	2.2	2.1	0.9	-0.2	-4.5	-18.8
	NVL	NO VA LAND INVES	62,400	61,499 (2,653)	85,485 (3.7)	32.6	16.7	17.3	1.9	14.1	11.9	2.4	-	0.6	-1.0	-2.2	4.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	23,950	13,383 (577)	13,543 (0.6)	7.4	12.3	10.2	14.7	14.1	15.8	1.6	1.4	-0.2	-1.2	-2.2	-6.5
	DXG	DAT XANH GROUP	11,150	5,779 (249)	50,735 (2.2)	14.4	11.2	5.5	-39.2	5.5	14.0	0.7	0.6	0.5	0.0	10.4	-23.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	88,600	328,607 (14,178)	90,264 (3.9)	6.4	20.0	17.3	10.3	19.7	18.8	3.3	2.8	0.5	4.5	7.4	-1.8
	BID	BANK FOR INVESTM	42,250	169,930 (7,332)	74,163 (3.2)	12.6	30.0	19.4	-5.3	9.2	11.9	2.1	2.0	-1.5	4.6	3.7	-8.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,850	79,978 (3,451)	194,430 (8.4)	0.0	7.9	6.7	3.9	15.6	15.5	1.1	1.0	0.0	7.0	7.0	-3.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	30,050	111,888 (4,828)	192,300 (8.3)	0.1	16.2	13.2	18.7	10.2	11.4	1.4	1.3	0.2	10.7	18.3	43.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	24,050	58,628 (2,530)	131,035 (5.7)	0.0	7.1	6.5	5.5	17.8	16.0	1.2	1.0	0.2	2.6	4.3	20.3
	MBB	MILITARY COMMERC	17,600	48,807 (2,106)	132,255 (5.7)	0.0	6.8	5.8	7.0	18.0	17.6	1.1	0.9	-0.3	-0.3	11.8	-2.7
	HDB	HDBANK	24,600	30,890 (1,333)	40,060 (1.7)	1.2	7.7	6.7	20.1	20.2	20.1	1.3	1.2	1.4	0.4	7.0	16.1
	STB	SACOMBANK	13,850	24,981 (1,078)	264,435 (11.4)	14.4	13.1	10.0	16.4	7.9	9.2	0.9	0.8	2.6	2.2	19.4	37.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,800	20,251 (874)	56,294 (2.4)	0.0	6.7	5.5	29.4	22.4	20.3	1.2	1.0	-0.8	0.8	8.1	17.8
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,600	21,638 (934)	6,201 (0.3)	0.1	37.8	36.3	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	1.1	2.6	4.1	-1.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	54,000	40,085 (1,730)	47,949 (2.1)	20.7	32.8	27.7	2.6	6.3	7.7	2.1	2.0	-0.7	8.3	12.4	-21.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	28,500	2,604 (112)	11,897 (0.5)	14.6	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.1	-1.6	-1.4	16.1	14.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,150	10,907 (471)	101,666 (4.4)	49.8	12.5	10.1	-16.8	9.0	10.6	1.1	1.0	0.3	1.7	14.9	16.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	39,150	6,483 (280)	28,779 (1.2)	72.3	-	-	-	-	-	-	-	7.0	20.5	38.8	32.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,350	6,818 (294)	64,035 (2.8)	51.0	-	-	-	-	-	-	-	0.0	1.4	12.0	4.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	15,850	3,305 (143)	24,340 (1.1)	16.6	14.3	8.9	-19.1	7.4	11.2	1.0	0.9	0.0	3.3	24.3	10.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	107,500	224,638 (9,692)	186,001 (8.0)	42.0	21.6	20.1	6.6	37.9	38.6	7.6	6.8	0.1	0.6	3.4	10.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	190,000	121,843 (5,257)	17,621 (0.8)	36.8	29.3	25.1	0.6	21.6	23.8	6.0	5.3	0.0	1.1	1.0	-16.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	81,100	95,267 (4,110)	164,319 (7.1)	10.9	108.2	42.3	-57.2	2.3	6.8	2.6	2.7	1.4	26.9	46.4	43.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,000	13,303 (574)	24,029 (1.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.4	-1.2	-1.2	-13.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	106,000	55,527 (2,396)	41,413 (1.8)	12.5	-	16.1	-	8.9	21.4	3.4	3.2	1.3	1.9	-0.8	-27.5
	GMD	GEMADEPT CORP	23,650	7,022 (303)	14,163 (0.6)	0.0	17.8	15.5	-54.0	6.8	7.5	1.2	1.2	-0.6	-2.5	0.6	1.5
	CII	HO CHI MINH CITY	18,350	4,383 (189)	38,457 (1.7)	36.1	9.2	8.6	142.2	9.6	9.4	0.8	0.8	-1.3	-3.4	1.4	-18.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,260	1,283 (055)	18,526 (0.8)	46.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	-5.8	2.7	-86.9
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,300	10,480 (452)	143,707 (6.2)	35.3	27.3	11.7	-20.9	10.5	13.6	-	-	0.2	-1.3	12.0	15.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	58,000	4,425 (191)	80,239 (3.5)	2.3	7.1	7.6	-33.3	7.5	7.0	0.5	0.5	-5.4	-5.1	20.4	13.1
	REE	REE	41,800	12,960 (559)	18,240 (0.8)	0.0	8.5	7.5	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	1.7	0.8	7.3	15.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,000	143,546 (6,193)	58,752 (2.5)	45.9	19.1	15.0	-17.2	15.8	18.4	2.8	2.6	-0.3	0.5	3.7	-20.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,100	6,650 (287)	4,670 (0.2)	29.9	10.0	10.1	-5.4	16.4	16.5	1.6	1.6	-0.4	-2.1	-3.5	6.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,400	7,502 (324)	5,032 (0.2)	33.2	8.6	7.8	-11.7	15.2	15.8	1.2	1.2	-0.6	-2.5	-3.9	-13.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	29,050	96,251 (4,153)	398,928 (17.2)	14.9	9.7	8.1	7.1	18.8	19.8	1.7	1.4	2.5	3.4	17.6	48.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,100	6,692 (289)	54,166 (2.3)	36.8	10.8	11.5	1.4	8.9	8.0	0.8	0.8	1.5	-2.8	0.0	32.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,000	6,353 (274)	40,146 (1.7)	46.3	-	-	-	-	-	-	-	0.4	-0.8	19.4	84.6
	HSG	HOA SEN GROUP	15,100	6,710 (289)	211,312 (9.1)	39.5	8.0	8.1	45.8	14.4	12.5	1.0	0.9	0.0	-4.1	16.2	103.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,200	2,577 (111)	26,438 (1.1)	97.8	5.7	6.6	45.6	13.3	10.5	0.6	0.6	-0.4	0.0	-0.4	-3.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	49,800	60,697 (2,619)	17,664 (0.8)	4.0	48.4	17.8	-40.0	5.8	15.1	2.5	2.1	0.6	0.0	0.6	-11.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,550	4,864 (210)	83,636 (3.6)	39.0	50.9	27.3	-20.4	0.8	0.7	0.4	0.3	0.4	-4.5	4.1	-23.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,400	3,771 (163)	37,729 (1.6)	29.2	8.8	7.7	-18.0	9.2	9.9	0.7	0.7	-0.7	-4.3	10.7	-20.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	109,400	49,523 (2,137)	98,092 (4.2)	0.0	13.5	10.4	9.9	26.5	27.3	3.2	2.6	0.4	-0.1	17.8	-4.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,000	14,633 (631)	46,467 (2.0)	0.0	16.6	14.1	-1.8	20.0	22.0	2.9	2.7	3.3	3.5	8.5	-24.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,750	1,320 (057)	669 (0.0)	69.3	18.8	13.7	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	2.2	-5.6	10.0	20.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,300	1,840 (079)	16,777 (0.7)	13.1	15.6	10.5	-41.1	9.1	12.6	1.3	1.2	-1.7	-5.3	-6.0	10.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	54,500	7,385 (319)	53,951 (2.3)	36.2	7.5	7.2	24.7	35.8	30.2	2.4	2.1	-2.0	-6.2	-7.9	42.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	104,400	13,650 (589)	782 (0.0)	45.2	20.5	18.9	8.0	20.3	19.8	3.8	3.6	-1.0	-0.6	1.4	14.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	69,000	5,176 (223)	349 (0.0)	37.9	14.7	-	7.3	16.4	-	2.4	-	0.0	-2.1	-1.7	27.1
IT	FPT	FPT CORP	51,200	40,136 (1,732)	86,354 (3.7)	0.0	11.5	9.9	19.9	23.4	24.5	2.5	2.2	0.4	0.2	2.4	1.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

conglt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.